TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16- 7-2020
V/v "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Ánh Nhạn
2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trần Xuân Son - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 276/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị K, sinh năm: 1956,
- Bị đơn: Ông Hồ Văn A, sinh năm: 1956,
Cùng địa chỉ: Tổ 13, ấp BV, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Bà K và ông A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-5-2020, trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Kiên trình bày:

Vợ chồng bà chung sống với nhau từ năm 1979, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu chung sống vợ chồng bà rất hạnh phúc. Đến năm 2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do: Chồng bà có quan hệ bất chính bên ngoài và về nhà đánh đập bà, sau đó bà và ông An ly thân đến nay. Bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên: Hồ Quốc T, sinh năm: 1980, Hồ Mỹ L, sinh năm: 1981 và Hồ Quốc Th, sinh năm: 1983, tất cả đã thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ông Hồ Văn A trình bày:

Ông đồng ý ly hôn với vợ là bà Võ Thị K.Vợ chồng ông bà sống chung năm 1978. Từ năm 2018 vợ ông bắt đầu đi chơi nhảy đầm, nhậu và không quan tâm, chăm sóc ông, ông bị bệnh mà vợ không quan tâm. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay, mặc dù sống chung nhà nhưng không quan tâm về tình cảm.

Về con chung: Có 03 người con như vợ ông khai, các con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị K và ông Hồ Văn A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Võ Thị K và ông Hồ Văn A chung sống với nhau từ năm 1979, bộ lưu đăng ký kết hôn năm 1979 đối với bà K và ông A hiện Ủy ban nhân dân xã PT không còn bộ lưu. Quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông A được xác lập vào năm 1979, trước thời điểm Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực nên trường hợp chưa có đăng ký kết hôn vẫn là hôn nhân thực tế. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà K có yêu cầu ly hôn, Toà án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu ly hôn của bà K, Hội đồng xét xử xét thấy: Do ông bà tính tình không hợp nhau, chưa thực sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ và giúp đỡ nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2014 đến nay không hàn gắn được. Nay trong quá trình giải quyết vụ án bà K có yêu cầu ly hôn, ông A có ý kiến đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà K và ông A cùng có yêu cầu được giải quyết vắng mặt, có ý kiến ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị K là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông bà thống nhất có 03 con chung tên: Hồ Quốc T, sinh năm: 1980, Hồ Mỹ L, sinh năm: 1981 và Hồ Quốc Th, sinh năm: 1983, tất cả đã thành niên, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông bà khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Bà K là người cao tuổi nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-

12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị K đối với ông Hồ Văn A. Bà K được ly hôn với ông A.

2.Về con chung: Ông bà thống nhất có 03 con chung tên: Hồ Quốc T, sinh năm: 1980, Hồ Mỹ L, sinh năm: 1981 và Hồ Quốc Th, sinh năm: 1983, tất cả đã thành niên, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông bà khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Bà K là người cao tuổi nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã PT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Minh Hiếu